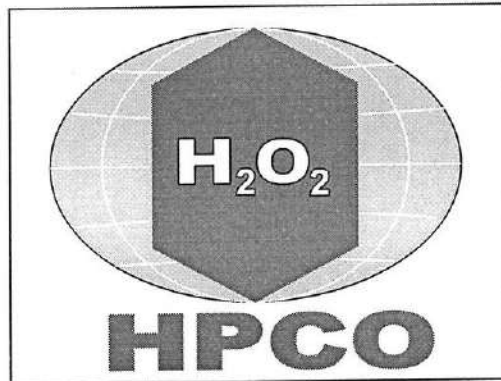


**CÔNG TY CỔ PHẦN
HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2023**

Bắc Giang – 2024

I. THÔNG TIN CHUNG:**1. Thông tin khái quát:**

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HUNG PHÁT HÀ BẮC
Tên tiếng Anh:	HA BAC HUNG PHAT CHEMICAL JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	HPCO
Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp:	Số 2400395807 (số cũ 2003000297) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008 và đăng ký thay đổi lần 5 ngày 27/10/2022.
Vốn điều lệ:	84.000.000.000 đồng (Tám mươi tư tỷ đồng)
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành:	8.400.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)
Địa chỉ trụ sở chính:	Phường Thọ Xương, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang
Số điện thoại:	0204 3526 066
Số fax:	0204 3526 066
Website:	http://hungphathabac.com.vn
Mã chứng khoán:	HPH

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2003000297 ngày 01/02/2008 thay đổi lần 5 ngày 27/10/2022 với mức vốn điều lệ là 84.000.000.000 đồng.

Công ty được thành lập và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với vốn điều lệ ban đầu là 56 tỷ đồng và 03 cổ đông sáng lập, trong đó Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (nay là CTCP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc) nắm cổ phần chi phối. Mục tiêu thành lập và hoạt động kinh doanh chính của Công ty là đầu tư sản xuất và cung cấp Hydrogen Peroxide có công thức hóa học là H_2O_2 , còn gọi là ô xy già sử dụng rộng rãi trong công nghiệp sản xuất giấy, dệt, điện tử, xử lý môi trường,...sau hơn 15 năm thành lập, đến nay sản phẩm ô

xy già của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc đã tạo lập thương hiệu trên thị trường với hệ thống các nhà phân phối được hình thành rộng khắp cả nước.

Các sự kiện khác:

Theo Quyết định số 21010094/QĐ-XPHC do Đội Quản lý thị trường số 1 - Cục Quản lý thị trường tỉnh Bắc Giang ban hành ngày 26/06/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính với Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc do không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp và không tổ chức tham gia khóa huấn luyện an toàn hóa chất định kỳ đối với đối tượng nhóm 1.

Công ty đã sản xuất H₂O₂ từ năm 2011, thời điểm này, hóa chất H₂O₂ không nằm trong danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp. Kể từ ngày 25/11/2017, Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ có hiệu lực, khi đó sản phẩm H₂O₂ được quy định là hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp. Công ty không được phổ biến về quy định phải bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp nên mới xảy ra việc thiếu tuân thủ trên.

Ngay sau khi biết về vấn đề này, Công ty đã thực hiện thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất kinh doanh hóa chất trên. Công ty đã được Sở Công thương tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (sản xuất và kinh doanh) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp số 77/GCN-SCT ngày 12/05/2023, Giấy chứng nhận số 85/GCN-SCT ngày 31/05/2023 và Giấy chứng nhận điều chỉnh số 128/GCN-SCT ngày 24/07/2023.

Theo Công ty, việc cấp giấy chứng nhận (không phải giấy phép) chỉ là một thủ tục hành chính, trong suốt quá trình sản xuất các điều kiện về an toàn lao động, an toàn môi trường, phòng chống cháy nổ, sự cố hoá chất, Công ty luôn tuân thủ đầy đủ. Các điều kiện nêu trên đã được các cơ quan chức năng kiểm tra chứng nhận đạt yêu cầu, các tài liệu trên Công ty cũng đã đưa ra giải trình với đoàn kiểm tra Quản lý thị trường ngày 21/06/2023. Lỗi vi phạm ở đây là không làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận. Đây chỉ là lỗi vi phạm hành chính, tuy nhiên, sau khi có quyết định của Quản lý thị trường, Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến quyết định trên.

Công ty sẽ tiếp tục các thủ tục pháp lý để huỷ bỏ Mục c, Khoản 6, Điều 1 của Quyết định này về biện pháp khắc phục hậu quả vì lý do: từ khi sản xuất đến nay, Công ty luôn đảm bảo các điều kiện an toàn tuyệt đối chưa gây hậu quả nào cho cộng đồng và xã hội Căn cứ theo khoản a mục 5 Điều 4 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1 . Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh Ôxy già (H_2O_2) và các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số số 2400395807 (số cũ 2003000297) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01/02/2008 và đăng ký thay đổi lần 5 ngày 27/10/2022.

3.2. Địa bàn kinh doanh:

Miền Nam: Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bình Dương, Biên Hòa, Tây Ninh, Vũng Tàu, Bình Định....

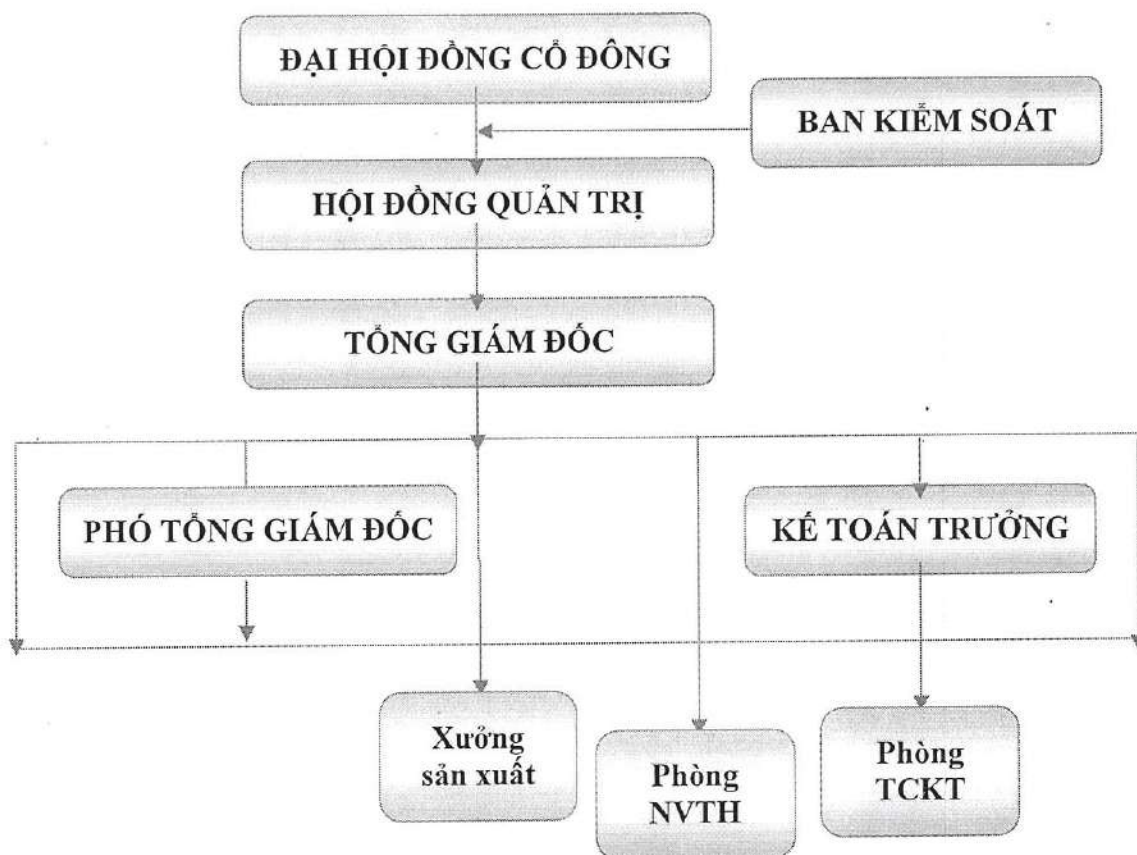
Miền Bắc: Thành Phố Hà Nội, Nam Định, Thái Bình, Bắc Ninh, Tuyên Quang, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Giang, Hải Phòng, Nam Hà, Thái Nguyên....

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc thiết lập cơ cấu tổ chức và quản trị theo mô hình công ty cổ phần, phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh, bao gồm cả cơ chế trao đổi thông tin nội bộ và phân công các cán bộ với quyền hạn và trách nhiệm rõ ràng. Bên cạnh đó, Công ty cũng xem xét và cải tiến liên tục hệ thống quản trị Công ty nhằm triển khai có hiệu quả các chính sách nhằm đạt được các mục tiêu đề ra

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty bao gồm:

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY



4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần và quyết định các vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo, quyết định phương thức hoạt động, vốn điều lệ, nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, ...

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, chịu trách nhiệm triển khai các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị có quyền quyết định và thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

4.3. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát của Đại hội đồng cổ đông, có quyền kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty và các quyền hạn, trách nhiệm khác theo quy định tại Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4.4. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty

Tổng Giám đốc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm và là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc Công ty là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Tổng giám đốc Công ty. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng giám đốc, được Tổng giám đốc ủy quyền hoặc chịu trách nhiệm trong một số lĩnh vực quản lý chuyên môn, chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng giám đốc về lĩnh vực công việc được phân công:

- Theo dõi quản lý kỹ thuật, quy trình công nghệ sản xuất của Công ty;
- Nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, đề xuất các quy trình công nghệ mới;
- Chỉ đạo trực tiếp Xưởng sản xuất H₂O₂.

Kế toán trưởng

Kế toán trưởng là người trực tiếp tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác quản lý tài chính kế toán trong Công ty, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các vấn đề liên quan tới công tác kế toán tài chính, quyết toán tài chính, thuế và tình hình thực hiện chế độ quản lý tài chính của Công ty. Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Tổng giám đốc Công ty.

4.5. Các phòng chuyên môn thuộc Công ty và Xưởng sản xuất

Phòng Nghiệp vụ tổng hợp

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Tổng giám đốc về nghiệp vụ chuyên môn trong việc điều hành quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu

trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các lĩnh vực: quản lý Kế hoạch, Vật tư và Đầu tư; Tổ chức, quản lý lao động tiền lương và giải quyết các chế độ cho người lao động, Hành chính quản trị, Bảo vệ an ninh trật tự và phòng chống cháy nổ; công tác tiêu thụ sản phẩm và phát triển thị trường.

Phòng Tài chính – Kế toán

Chức năng: Tham mưu giúp việc cho Tổng giám đốc về các lĩnh vực Tài chính - Kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện những công việc nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán theo đúng qui định của Nhà nước về chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán.

Xưởng sản xuất

Chức năng: Xưởng sản xuất H₂O₂ là đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty có chức năng tiếp nhận nguyên vật liệu, năng lượng, quản lý nhân sự và vận hành thiết bị của dây chuyền để sản xuất sản phẩm H₂O₂ theo kế hoạch đã được Tổng giám đốc công ty phê duyệt.

➤ **Danh sách công ty mẹ của Công ty cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc:** Không có.

➤ **Danh sách công ty con của CTCP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc:** Không có.

➤ **Danh sách những công ty mà CTCP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:** Không có.

➤ **Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CTCP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc:**

Tên	Địa chỉ	Số CMND/CC CD	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần
Trương Thị Lan Anh	Vinhomes Riverside	013179956	4.600.000	54,76%

5. Định hướng phát triển:

➤ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Củng cố hệ thống dây chuyền sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh hiệu quả sản xuất, khai thác tối ưu nguồn lực hiện có nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển thị trường.

- Thực hiện triệt để việc tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả năng suất, an toàn sản xuất gắn với bảo vệ môi trường.

➤ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- Hoàn thiện bộ máy tổ chức và hệ thống quản lý; làm chủ thiết bị công nghệ để phát triển trở thành doanh nghiệp có thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực Ôxy già.

- Duy trì hệ thống nhà phân phối hiện tại, tiếp cận mở rộng thêm các khách hàng tiêu dùng trực tiếp. Xúc tiến chào hàng và hỗ trợ các nhà phân phối tiếp cận để bán hàng, tập trung tiêu thụ khu vực phía Bắc và nâng dần tỷ trọng Ôxy già nồng độ loãng.

➤ **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất theo quy định. Thực hiện chương trình cải tiến thiết bị, công nghệ, hợp lý hoá sản xuất, sử dụng hiệu quả nguyên nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu chất thải nhằm sản xuất sạch hơn.

Mang lại giá trị thặng dư cao nhất cho Cổ đông, tạo lập cuộc sống ấm no cho Người lao động và góp phần làm tăng tổng giá trị thặng dư cho xã hội.

6. Các rủi ro:

Rủi ro đặc thù

Nguyên liệu chính để sản xuất ô xy già của Công ty là khí thải Hydro (H_2) từ quá trình tổng hợp Amoniac của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc, đây là một thế mạnh của Công ty nhưng cũng là một rủi ro đặc thù vì nếu Công ty Cổ phần Phân Đạm và Hóa chất Hà Bắc ngừng máy sửa chữa hoặc khi xảy ra sự cố trong quá trình sản xuất thì Dây chuyền sản xuất ô xy già của Công ty sẽ phải ngừng hoạt động do không có nguồn khí tinh luyện (H_2) cung cấp cho sản xuất.

Rủi ro về dòng tiền

Trong năm do thực hiện quyết định số 21010094/QĐ-XPHC do Đội Quản lý thị trường số 1 - Cục Quản lý thị trường tỉnh Bắc Giang ban hành ngày 26/06/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính với Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc do không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp và không tổ chức tham gia khóa huấn luyện an toàn hóa chất định kỳ đối với đối tượng nhóm 1, ngoài ra việc thực hiện đầu tư mới cũng cần có nguồn tài chính dài hạn dẫn đến việc bị mất cân đối tài chính.

Rủi ro về cạnh tranh và thị trường

Việc vấp phải sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt và trực tiếp, đặc biệt đến từ Ô xy già nhập khẩu dẫn đến rủi ro kinh doanh liên quan đến thị phần của Công ty nếu chính sách bán hàng không kịp thời điều chỉnh.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

(Đính kèm Báo cáo của Tổng giám đốc về Kết quả SX-KD năm 2023; mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm năm 2024)

1. Tổ chức và nhân sự:

(1) Nguyễn Tổng Luận – Tổng giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Tổng Luận
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	30/01/1961
Nơi sinh	Xã An Bình - Huyện Thuận Thành - Bắc Ninh
CMND/ Hộ chiếu	027061004868
Ngày cấp/Ngày hết hạn	15/09/2021
Nơi cấp	Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số 18- Tổ 18- - Phường Trần Nguyên Hãn - TP Bắc Giang- Tỉnh Bắc Giang
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Chức vụ tại tổ chức khác:	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	3.093 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,04% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu:	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu:	3.093 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,04% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan:	0 cổ phần

(2) Nguyễn Thế Hùng – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Thế Hùng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	10/4/1968
Nơi sinh	Huyện Trăn Yên, tỉnh Yên Bái, Việt Nam
CCCD/CMND/ Hộ chiếu	015068000734
Ngày cấp/Ngày hết hạn	25/04/2021
Nơi cấp	Cục cảnh sát QLHC về TTXH
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số nhà 68 đường Cô Giang, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư chế tạo máy
Chức vụ tại tổ chức khác:	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,048% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	4.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,048% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần

(3) Ông Hà Văn Hùng – Phó tổng giám đốc

Họ và tên	Hà Văn Hùng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	25/10/1992
Nơi sinh	Thôn Thái Đào, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
CCCD/CMND/ Hộ chiếu	024092002838
Ngày cấp/Ngày hết hạn	01/09/2021
Nơi cấp	Cục cảnh sát QLHC về TTXH
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Thôn Thái Đào, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Chức vụ tại tổ chức khác	Không
Tổng số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	0 cổ phần
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần

(4) Bà Thân Thị Hà – Kế toán trưởng

Họ và tên	Thân Thị Hà
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	05/02/1984
Nơi sinh	Xóm Chiền - Xã Nội Hoàng - Huyện Yên Dũng – Tỉnh Bắc Giang
CCCD/CMND/ Hộ chiếu	024184018195
Ngày cấp/Ngày hết hạn	17/12/2021
Nơi cấp	Cục cảnh sát QLHC về TTXH
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số nhà 73-QL1A- Xã Tân Mỹ -Bắc Giang
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế

Chức vụ tại tổ chức khác	Không
Tổng số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	0 cổ phần
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần

(5) Ông Nguyễn Văn Tuấn - Trưởng phòng Nghiệp vụ tổng hợp:

Họ và tên	Nguyễn Văn Tuấn
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	10/9/1971
Nơi sinh	Xã Hồng Thái, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình
CMND/ Hộ chiếu	122029516
Ngày cấp/Ngày hết hạn	12/12/2008
Nơi cấp	CA Bắc Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	K41 - Công viên Hoàng Hoa Thám, Bắc Giang
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư hóa
Chức vụ tại tổ chức khác	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ	700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu	0 cổ phần
- Cá nhân sở hữu	700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008% vốn điều lệ
Sở hữu của người có liên quan	0 cổ phần

(6) Ông Hoàng Văn Hùng - Giám đốc Xưởng sản xuất:

Họ và tên	Hoàng Văn Hùng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	09/3/1967
Nơi sinh	Tân Mỹ, Thành phố Bắc Giang, T. Bắc Giang
CMND/ Hộ chiếu	120926352
Ngày cấp/Ngày hết hạn	3/11/2005
Nơi cấp	CA Bắc Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số 125- Đường 398- Tân Mỹ - TP Bắc Giang –

Trình độ chuyên môn:	T.Bắc Giang
Chức vụ tại tổ chức khác	Kỹ sư công nghệ hóa học
Tổng số cổ phần nắm giữ	Không có
- Đại diện sở hữu	2.636 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,031% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu	0 cổ phần
Sở hữu của người có liên quan	2.636 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,031% vốn điều lệ
	0 cổ phần

Những thay đổi trong Ban điều hành: Ông Hà Văn Hùng được bổ nhiệm Phó tổng giám đốc công ty theo Quyết định số: 133/QĐ-HĐQT ngày 19/05/2023.

➤ **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

Số lượng người lao động trong Công ty tính đến ngày 31/12/2022 là 60 người (trong đó có 4 người quản lý). Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng quỹ trợ cấp mất việc làm, quỹ phúc lợi thăm hỏi động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống,... Các Tổ chức Đảng, tổ chức Công đoàn và tổ chức Đoàn thanh niên của Công ty cũng luôn được quan tâm xây dựng và không ngừng phát triển.

Công ty đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội cho toàn bộ cán bộ công nhân viên. Hàng năm Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

Công ty có chính sách khuyến học đối với cán bộ công nhân viên. Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được vừa làm vừa học nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: Không có

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm năm 2023 so với 2022
1. Tổng tài sản (cuối kỳ)	118.469.520.626	124.430.772.764	5,03%
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	100.776.577.044	99.303.182.264	-1,46%
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	15.231.646.540	12.276.018.360	-19,40%
4. Lợi nhuận khác	-165.198.529	-4.390.211.080	2557,54%
5. Lợi nhuận trước thuế	15.066.448.011	7.885.807.280	-47,66%
6. Lợi nhuận sau thuế	12.712.425.447	6.234.752.233	-50,96%
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm	
		2022	2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (tại thời điểm 31/12) (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	3,22	1,20
- Hệ số thanh toán nhanh (tại thời điểm 31/12) [(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	2,61	0,68
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản (tại thời điểm 31/12)	Lần	0,08	0,19
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	Lần	0,09	0,23
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	13,37	9,07
- Vòng quay Tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Vòng	0,85	0,80
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,13	0,06
- Hệ số LN sau thuế/Vốn CSH	%	0,12	0,06
- Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	0,11	0,050
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / DTT	%	0,15	0,12

Trong năm Ban tổng giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 do phải nộp lại lợi nhuận theo Quyết định xử phạt hành chính số 21010094/QĐ-XPHC ngày 26/6/2023 của Đội quản lý thị trường số 1- Cục quản lý thị trường tỉnh Bắc Giang. Theo đó số liệu về tình hình tài chính được điều chỉnh cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm năm 2023 so với 2022
1. Tổng tài sản (cuối kỳ)	118.469.520.626	124.430.772.764	5,03%
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	100.776.577.044	99.303.182.264	-1,46%
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	15.231.646.540	12.276.018.360	-19,40%
4. Lợi nhuận khác	-12.736.912.144	-4.390.211.080	-65,53%
5. Lợi nhuận trước thuế	2.494.734.396	7.885.807.280	216,10%
6. Lợi nhuận sau thuế	140.711.832	6.234.752.233	4330,87%
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**5.1. Cổ phần:**

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 8.400.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 8.400.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông:

➤ Cơ cấu cổ đông của Công ty (tại thời điểm ngày 31/12/2023):

TT	Danh mục	1.000 đồng	Tỷ lệ (%)
A	Tổng vốn chủ sở hữu:	84.000.000	100
1	- Cổ đông sáng lập:	19.598.000	23,33
2	- Cổ đông lớn (*):	50.230.000	73,33
3	- Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết:	13.172.000	15,68
4	- Cổ đông nắm giữ từ 1% đến dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết:	1.000.000	5,95
B	Trong đó:	84.000.000	100
1	- Nhà nước:	4.000.000	4,76
2	- Người nước ngoài:		
3	- Người Việt Nam khác:	80.000.000	95,24

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty (tại thời điểm ngày 31/12/2023):

Tên	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần
Trương Thị Lan Anh	Vinhomes Riverside	013179956	4.600.000	54,76%
CTCP Tập đoàn Tân Long	Tầng 14-Tòa nhà Diamond Flower- Số 48-Đường Lê Văn Khuong-KĐT mới N2- Nhân Chính - Thanh Xuân - HN	0102014919	560.000	6,67%
Nguyễn Thị Hương	Số 127- Ngõ Gia Tự- phường Ngô Quyền- thành phố Bắc Giang.	121655384	499.800	5,95%
Đào Xuân Thạch	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	001084009248	500.000	5,95%
Phạm Huy Hiệu	P216 HH04, Giang Biên, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội	034080002713	423.000	5,03%

➤ Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ:

Tên	Địa chỉ	Số ĐKKD	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần
CTCP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Đường Trần Nguyên Hãn, Phường Thọ Xương, TP. Bắc Giang, T. Bắc Giang	2400120344	400.000	4,76%
CTCP Xuất nhập khẩu Hà Anh	Khối I, TT Đông Anh, Huyện Đông Anh, HN	0101328911	999.800	11,90%
CTCP Hóa chất Công nghiệp Tân Long	Phòng 810 Nhà 18T2, chung cư Trung Hòa, Nhân Chính, P.Nhân Chính, Thanh Xuân, HN	0102014919	560.000	6,67%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Công ty cổ phần Phân Đạm và Hoá chất Hà Bắc không còn giữ cổ phần chi phối, không là Công ty mẹ của Công ty; CTCP Xuất nhập khẩu Hà Anh không còn là cổ đông của Công ty.

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: Không có

5.5 Các chứng khoán khác: Không có**II. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc:****1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

(Đính kèm Báo cáo của Tổng giám đốc về Kết quả SX-KD năm 2023; mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm năm 2024)

2. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	01/01/2023	31/12/2023	Tăng/giảm	Tỷ lệ (%)
Tài sản	118.470	124.431	5.961	-0,99%
- Tài sản ngắn hạn	31.984	27.984	-4.000	-12,51%
- Tài sản dài hạn	86.486	96.447	9.961	11,52%
Nguồn vốn	118.470	124.431	5.961	127,99%
- Nợ phải trả	9.944	23.354	13.410	134,86%
- Vốn chủ sở hữu	108.526	101.077	-7.449	-6,86%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Công ty áp dụng hệ thống quản lý đơn giản hóa về các thủ tục hành chính cho nội bộ Công ty cũng như khách hàng, công việc được thực hiện bằng các quy định cụ thể. Đồng thời, Công ty cũng đã thực hiện kiện toàn quy định, quy chế làm việc, củng cố đội ngũ cán bộ, nhân viên, đầu tư trang thiết bị làm việc để nâng cao năng suất lao động, cải thiện điều kiện làm việc.

Công ty luôn quan tâm đến việc nâng cao chế độ chính sách chăm lo đời sống cho cán bộ, nhân viên, xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

(Đính kèm Báo cáo của Tổng giám đốc về Kết quả SX-KD năm 2023; mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm năm 2024)

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có giải trình vì không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

Xem chi tiết ở phục lục đính kèm (Báo cáo của Hội đồng quản trị)

V. Quản trị Công ty:**1. Hội đồng quản trị:**

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: HĐQT gồm 5 người trong đó có 4 thành viên không điều hành. Không có thành viên HĐQT độc lập.

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại công ty	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cá nhân cuối kỳ
1	Trương Xuân Hoàng	- Chủ tịch HĐQT	
2	Nguyễn Tổng Luận	- Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	0,04%
3	Nguyễn Minh Hoà	- Thành viên HĐQT	
4	Kiều Anh Tuấn	- Thành viên HĐQT	
5	Hà Văn Hùng	- Thành viên HĐQT - Phó tổng giám đốc	

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có**1.3. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành:**

Các thành viên HĐQT không điều hành đã làm đúng chức năng của mình.

1.4. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban kiểm soát:**2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:**

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại công ty	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cá nhân cuối kỳ
1	Nguyễn Thuý Nguyên	- Trưởng BKS	
2	Nguyễn Thị Huyền Thương	- Thành viên BKS	
3	Dương Thị Trang	- Thành viên BKS	

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Xem phụ lục đính kèm (Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát)

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

- Chủ tịch HĐQT thù lao là: 3.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT thù lao là: 2.000.000 đồng/tháng
- Trưởng ban kiểm soát thù lao là: 2000.000 đồng/tháng
- Thư ký HĐQT thù lao là: 1.500.000 đồng/tháng
- Thành viên BKS thù lao là: 1.500.000 đồng/tháng.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có**3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có**3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:**

Công ty đã thực hiện tốt các quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng theo thông tư số Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính.

VI. Báo cáo tài chính:

Xem phụ lục: Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.

Nơi nhận:

- UBCKNN; SGDCKHN;
- Lưu: P.TCKT.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Tổng Luận

Bắc Giang, ngày 05 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
Về Kết quả SX-KD năm 2023; mục tiêu và nhiệm vụ năm 2024

PHẦN I: KẾT QUẢ SXKD NĂM 2023

1. Đánh giá chung:

- Năng suất hệ thống tăng đáng kể do áp dụng các giải pháp mới vào sản xuất như: thay mới 04 tấn xúc tác; tăng lưu lượng dịch tuần hoàn; đầu tư trạm biến thế để chủ động nguồn điện; lắp bồn chứa N₂ lỏng bổ sung cho dây chuyền để xử lý công nghệ; nâng cấp DCS, sửa chữa máy nén Samsung. Vì vậy, mặc dù thời gian chạy máy thấp kỷ lục, nhiều lần ngừng máy do điện nhưng sản lượng sản xuất vẫn đạt 10.074 tấn.

- Giá bán sản phẩm giữ ở mức cao đầu năm, nhưng giảm dần từ giữa năm do nhu cầu thị trường giảm, có lúc dưới giá thành. Phương thức và chính sách bán hàng thay đổi căn bản, hệ thống phân phối được mở rộng, tỷ trọng sản phẩm loãng tăng đáng kể, thanh toán công nợ tốt, không có nợ xấu.

- Giá mua nguyên nhiên vật liệu từ Công ty Đạm Hà Bắc tăng cao làm tăng chi phí sản xuất 8,034 tỷ đồng so với 2022. Điện lưới không ổn định và thiếu trầm trọng làm tăng số lần ngừng máy ảnh hưởng đến định mức.

- Quản lý chất lượng sản phẩm không tốt, để lọt sản phẩm lỗi ra thị trường, Bị xử phạt vi phạm hành chính và truy thu số tiền lớn để khắc phục hậu quả do vi phạm nghị định 113 vì không có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoá chất kéo dài từ năm 2017.

2. Kết quả cụ thể.

2.1 Kết quả SXKD năm 2023:

- Lợi nhuận trước thuế đạt 7,9 tỷ đồng, trong đó: Do giá nguyên liệu của Đạm tăng làm tăng chi phí giảm lợi nhuận 8,034 tỷ đồng.

- Một số kết quả cụ thể:

- | | |
|----------------------|--------------------|
| ○ Sản lượng sản xuất | 10.074 tấn quy đặc |
| ○ Sản lượng tiêu thụ | 9.761 tấn quy đặc |
| ○ Doanh thu: | 99.213 triệu đồng |
| ○ Giá bán bình quân: | 10.058 đồng / tấn |
| ○ Hiệu quả | 7,9 tỷ đồng |

○ Lao động và thu nhập:

▪ Lao động bình quân 59 người, trong đó ban điều hành: 04 người



- Thu nhập bình quân 9.700.000 đ/ng/thg.

(Có biểu chi tiết kèm theo).

2.2 Công tác điều hành sản xuất

- Thời gian sản xuất trong năm 2023 là 292 ngày bằng 97% so với quỹ thời gian kế hoạch, ngừng máy là 55 lần, trong đó ngừng máy do điện lưới là 34 lần, do công ty Đạm là 10 lần, còn lại ngừng máy do thiết bị, công nghệ và các nguyên nhân khác là 12 lần. Số lần ngừng máy nhiều hơn năm 2022 (năm 2022 ngừng 22 lần), đặc biệt số lần ngừng máy do giao động điện lưới nhiều, chất lượng điện lưới có nhiều thời điểm không đảm bảo về điện áp.

- Tình hình công nghệ: Những tháng đầu năm sản xuất gặp nhiều khó khăn do xúc tác ở vào cuối chu kỳ sử dụng, hiệu suất hydro hoá thấp, nhiệt độ phản ứng tăng cao, có 2 lần phải tiến hành tái sinh hoạt hoá xúc tác để duy trì sản xuất. Tháng 7/2023 tiến hành tháo dỡ thay thế 04 tấn xúc tác mới. Sau khi thay thế đưa xúc tác vào vận hành đã phát huy hiệu quả sản xuất.

- Tiếp tục duy trì vận hành lưu lượng dịch tuần hoàn lớn hơn so với thiết kế ban đầu (150 m³/h) cùng với xúc tác mới góp phần tăng năng suất hệ thống. Tuy nhiên, hiện hệ thống sản xuất loãng tồn tại hiện tượng không bình thường ở công đoạn oxy hoá (tắc bộ phân phối khí, thoát khí cuối oxy hoá không bình thường) nhưng chưa tìm ra chính xác nguyên nhân để xử lý.

- Định mức thực hiện: Các định mức hầu hết thấp hơn kế hoạch riêng định mức hoá chất EAQ cao hơn kế hoạch do bổ sung nâng cao chất lượng dịch và xúc tác mới vận hành thời kỳ đầu có tiêu hao cao hơn. Tiêu hao hơi nước 1,37MPa ở mức thấp do tỷ trọng tiêu thụ sản phẩm loãng tăng.

- Công tác quản lý thiết bị: Cơ bản đáp ứng được yêu cầu sản xuất, tận dụng kết hợp với các dịp ngừng máy của công ty Đạm để sửa chữa. Tuy nhiên vẫn còn sửa chữa hỏng vặt nhiều, một số thiết bị đo lường sau thời gian dài sử dụng đến chu kỳ thay thế sửa chữa.

- Công tác quản lý chất lượng sản phẩm: Sản phẩm luôn đạt chất lượng theo tiêu chuẩn đã công bố, đáp ứng chất lượng cho các ngành sản xuất giấy, dệt may, xử lý môi trường. Đã ban hành qui trình xuất bán sản phẩm mới trong đó qui định chặt chẽ về việc giám sát chất lượng sản phẩm xuất bán cho khách hàng.

2.3 Công tác cung cấp quản lý vật tư:

Việc quản lý giá vật tư được thực hiện đúng quy chế mua vật tư; cấp phát vật tư cho sản xuất thực hiện theo đúng quy định cấp phát vật tư; vật tư đã qua sử dụng được thu hồi phân loại. Tuy nhiên việc cung cấp một số vật tư nhỏ lẻ chưa đáp ứng được yêu cầu tiến độ của sản xuất.

2.4 Các dự án đầu tư và sửa chữa thiết bị

- Triển khai xây dựng xong và đưa vào khai thác trạm biến áp điện 22 kV/6kV.

- Hoàn thành bảo dưỡng và nâng cấp điều khiển máy nén khí Samsung, bảo dưỡng nâng cấp hệ thống DCS, hệ thống chống sét.

- Xây dựng xong trạm đóng nạp sản phẩm H₂O₂ mới để di chuyển lấy mặt bằng triển khai dự án.

- Triển khai lắp đặt bồn chứa N₂ lỏng cung cấp Nito thuần cho trao đổi công nghệ dây chuyền sản xuất H₂O₂.

- Mua sắm phương tiện: mua mới 1 xe nâng hàng 2.0 tấn, mua 06 Iso tank chứa H₂O₂ đã đưa vào vận chuyển H₂O₂ cấp cho khách hàng Miền Nam.

- Tổng giá trị đầu tư thiết bị năm: 15,7 tỷ trong đó có 07 tỷ cho dự án NH₃, không kể giá trị phân trạm biến áp của hai đơn vị liên danh.

2.5 Thị trường và tiêu thụ sản phẩm.

- Hệ thống phân phối sản phẩm và khách hàng duy trì ổn định và được mở rộng, linh hoạt trong điều hành giá đối với từng khách hàng và từng loại sản phẩm.

- Tiêu thụ hết sản lượng sản xuất, tuy nhiên giá bán sản phẩm giảm sâu do nhu cầu thị trường có xu hướng giảm và giá bán hàng nhập khẩu giảm nên từ giữa tháng 5 phải giảm giá bán. Sản phẩm nhập khẩu giá giảm, trong đó hàng sản xuất từ Bangladesh có giá nhập khẩu thấp so với cùng loại (thấp nhất là 325 USD / tấn loại 50%). Giá bán bình quân quy sản phẩm qui đặc 50% là 10.058 đồng/kg.

- Lượng tiêu thụ sản phẩm loãng tăng so với năm 2022, chiếm 38% tổng lượng tiêu thụ quy đặc. Để tăng tỷ trọng tiêu thụ nồng độ thấp 30-35%, Công ty đã thực hiện chính sách giảm giá bán với sản phẩm nồng độ thấp theo hướng cùng chia sẻ lợi ích (chi phí cố định) với khách hàng.

- Triển khai xuất bán Miền Nam loại 50% khi thị trường miền Bắc gặp khó khăn.

- Tháng 6/2023 đã triển khai nhập khẩu 102 tấn H₂O₂ từ thị trường Bangladesh để bổ sung lượng hàng thiếu hụt.

2.6. Lao động, tiền lương và công tác khác.

- Tình hình tài chính lành mạnh, không có nợ xấu, tiền nhân rồi được sử dụng hiệu quả. Các khoản tạm ứng thanh toán đúng hạn.

- Tổng số lao động công ty hiện là 59 người. Trong đó người lao động là 55 người. Trong năm tuyển dụng 01 lái xe chuyên trách, 01 nhân viên thị trường. Từ 19/5 công ty bổ nhiệm 1 phó tổng giám đốc phụ trách kinh doanh; 01 lao động nghỉ chế độ hưu, 01 trường hợp chấm dứt hợp đồng do vi phạm nội qui kỷ luật công ty.

- Thu nhập bình quân người lao động 9.700.000 đồng/người/tháng

- Đã hoàn thành đào tạo cấp chứng chỉ vận hành hoá cho 18 lao động công ty. Đào tạo bổ sung 2 nhân viên thao tác DCS.

- Lao động ổn định, việc làm và thu nhập của người lao động được đảm bảo, tạm ứng và thanh toán tiền lương đúng hạn.

195807-
CÔNG TY
PHÂN
CHẤT
3 PHAT
BẮC
T. BẮC

PHẦN II: MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU NĂM 2024

1. Nhận định 2024

- Năng suất hệ thống tăng lên sau hàng loạt các hạng mục triển khai năm 2023, sản xuất trong trạng thái, vừa sản xuất vừa triển khai dự án CO₂, NH₃.

- Nhu cầu H₂O₂ giảm do sản xuất công nghiệp chưa phục hồi, theo nhận định thị trường nếu có cải thiện cũng phải từ quý III. Giá bán vẫn đang ở mức thấp do cạnh tranh với hàng nhập.

- Giá nguyên vật liệu, đặc biệt từ Đạm Hà Bắc vẫn giữ ở mức cao như 2023, phát sinh thêm chi phí lãi vay vốn lưu động.

2. Các mục tiêu chủ yếu

2.1. Các căn cứ tính toán:

- Giá nguyên vật liệu lấy bằng thời điểm cuối 2023

- Giá bán bình quân 9.000.000 đ/t quy đặc

- Ngày chạy máy 308 ngày

2.2. Các mục tiêu

- Sản lượng sản xuất quy đặc 50%: 10.810 tấn/năm

- Sản lượng tiêu thụ: 10.810 tấn/năm

- Doanh thu: 92,966 tỷ (giá bán dự kiến 8.600 đồng/kg)

- Lợi nhuận: 2,537 tỷ đồng.

- Lao động và thu nhập:

o Lao động 59 (4 cán bộ điều hành)

o Quỹ lương: 6.400 triệu đồng,

o Lương bình quân: 9.700.000 đ/ng/tháng

3. Nhiệm vụ trọng tâm

- Tăng công suất dây chuyền, cải tạo tháp chiết hạ tỷ lệ chiết dư, nâng hiệu suất và cân bằng giữa hai công đoạn sản xuất loãng và đặc.

- Giải quyết tình trạng tắc hệ phân phối khí tháp ô xy hoá, tìm nguyên nhân và khắc phục hiện tượng dịch công tác bản đột ngột.

- Triển khai xây dựng dự án đầu tư CO₂ tinh khiết.

- Mở rộng hệ thống phân phối về đầu mối, nhập khẩu H₂O₂ để tăng thêm thị phần. Triển khai kinh doanh NH₃ và nước NH₄OH.

- Phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu để có vốn đối ứng triển khai dự án CO₂.

PHẦN III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

- Đề đẩy nhanh tiến độ dự án CO₂ đề nghị thành lập ban quản lý dự án, lấy khung sau khi xong dự án sẽ chuyển thành xưởng sản xuất CO₂ trực thuộc Công ty. Thời điểm thành lập căn cứ vào tiến độ phê duyệt dự án.

- Sáp nhập tổ sửa chữa điện đo lường vào tổ sửa chữa đóng nạp sản phẩm.

- Tuyển dụng thêm công nhân kỹ thuật để vận hành dự án, thời điểm tuyển tùy theo tiến độ triển khai các dự án.

ĐỒNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
HÓA CHẤT
HÙNG PHÁT
HÀ BẮC
NGUYỄN TỔNG LUẬN



(P * G)

Bắc Giang, ngày 01 tháng 4 năm 2024

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
về công tác quản trị và kết quả hoạt động năm 2023,
định hướng năm 2024**

Hội đồng quản trị báo cáo về công tác quản trị và kết quả hoạt động năm 2023, định hướng năm 2024 như sau:

I- VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023.

A. Tình hình chung.

- Năng suất hệ thống tăng đáng kể do áp dụng các giải pháp mới vào sản xuất. Vì vậy, mặc dù thời gian chạy máy thấp, nhiều lần ngừng máy do điện nhưng sản lượng sản xuất vẫn vượt mức kế hoạch đề ra.

- Giá bán sản phẩm giữ ở mức cao đầu năm, nhưng giảm dần từ giữa năm do nhu cầu thị trường giảm, có lúc dưới giá thành. Giá mua nguyên nhiên vật liệu từ Công ty Đạm Hà Bắc tăng cao làm tăng chi phí sản xuất 8,034 tỷ đồng so với 2022. Điện lưới không ổn định và thiếu trầm trọng làm tăng số lần ngừng máy ảnh hưởng đến định mức.

- Căn cứ vào tình hình thực tiễn, Hội đồng quản trị Công ty đã có chỉ đạo ban điều hành và sửa đổi các quy chế phù hợp để hoàn thành các mục tiêu sản xuất kinh doanh do ĐHCĐ đề ra.

B. Công tác chỉ đạo điều hành và giám sát:

Năm 2023, thực hiện theo Điều lệ Công ty và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông thường niên giao, HĐQT đã triển khai các công việc sau:

1. Thông qua các Nghị quyết/ Quyết định như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	03/QĐ-HĐQT	27/02/2023	Quyết định kế hoạch tổ chức ĐH và thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
2	74/QĐ-HĐQT	14/3/2023	QĐ về việc cử cán bộ đi công tác nước ngoài.
3	131/QĐ-HPCO	24/4/2023	QĐ giao kế hoạch định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu trong sản xuất năm 2023

4	132/QĐ-HPCO	24/4/2023	QĐ phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023
5	124/QĐ-HPCO	10/5/2023	QĐ về việc cử đoàn cán bộ đi công tác tại Trung Quốc.
6	130/QĐ-HPCO	12/5/2023	QĐ phê duyệt Kế hoạch chi có tính chất phúc lợi, khen thưởng năm 2023
7	152/QĐ-HPCO	12/5/2023	QĐ ban hành quy định các khoản chi có tính chất phúc lợi
8	133/QĐ-HPCO	19/5/2023	QĐ bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty – Ông Hà Văn Hùng
9	153/QĐ-HPCO	13/6/2023	QĐ ban hành quy chế thưởng Ban quản lý Công ty
10	154/QĐ-HPCO	13/6/2023	QĐ về việc chi thưởng Ban quản lý Công ty nhiệm kỳ 2028-2023
11	155/QĐ-HPCO	13/6/2023	QĐ về việc chi thưởng Ban quản lý Công ty năm 2022
12	252/QĐ-HĐQT	10/10/2023	QĐ về việc thành lập Ban triển khai dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất CO ₂ lỏng.
13	276/QĐ-HPCO	23/11/2023	QĐ phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện của người lao động và người quản lý Công ty năm 2023.
14	308/QĐ-HPCO	26/12/2023	QĐ lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023.
15	01/NQ-HĐQT	16/2/2023	Nghị quyết phiên họp lần 01/2023 của HĐQT Công ty.
16	02/NQ-HĐQT	11/5/2022	Nghị quyết phiên họp lần 02/2023 của HĐQT Công ty.

2. Kết quả công tác chỉ đạo:

Trong năm 2023, công tác quản lý, chỉ đạo của HĐQT luôn luôn tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; triển khai có hiệu quả các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, tôn trọng và đảm bảo quyền lợi của cổ đông, thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Công ty.

3. Kết quả công tác giám sát

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cũng được duy trì thường xuyên. Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến công tác điều hành của Tổng giám đốc Công ty. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị như sau:

a) Đối với Ban Tổng giám đốc Công ty:

Năm 2023, công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị đã đề ra, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty; trong thực hiện nhiệm vụ luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tính năng động sáng tạo, đoàn kết vượt qua khó khăn, cụ thể:

- Ban Tổng giám đốc đã đưa ra các cơ chế, chính sách về lao động, tài chính, thị trường hợp lý, đảm bảo sản xuất ổn định, an toàn.

- Thực hiện tốt chính sách tiền lương, thưởng và quan tâm đến đời sống về nhiều mặt cho người lao động; môi trường làm việc của người lao động tiếp tục được cải thiện.

b) Đối với các bộ quản lý các phòng, đơn vị trực thuộc:

- Lãnh đạo các phòng ban trong công ty, xưởng sản xuất đã thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; các nhiệm vụ do Tổng giám đốc Công ty triển khai được các phòng ban trong công ty, xưởng sản xuất thực hiện kịp thời.

- Tập thể người lao động trong Công ty luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, thực hiện chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ được giao, góp phần vào kết quả chung của Công ty.

C. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

Một số chỉ tiêu chính:

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2023	Thực hiện năm 2023	So với (%) KH năm
1	Giá trị tổng sản lượng	Tỷ đồng	72	72,539	100,7
2	Sản lượng sản xuất (Quy 50%)	Tấn	10.000	10.074	100
3	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	10.000	9.761	97,6
4	Doanh thu tiêu thụ	Tỷ đồng	89,982	99,213	110
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	14,866	7,886	53

D. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT, Ban điều hành.

- HĐQT, Tổng giám đốc công ty trong chỉ đạo điều hành luôn tuân thủ nghiêm túc Điều lệ Công ty, bám sát các mục tiêu được Đại hội đồng cổ đông giao trên cơ sở nắm bắt diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô, biến động của thị trường để chỉ đạo,

39580
 CÔNG TY
 PHẦN
 CHẤT
 3 PHÁ
 . BẮC
 G T.B.P

định hướng các hoạt động của Công ty. Giám sát quá trình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như các Nghị quyết và chỉ đạo HĐQT Công ty.

- HĐQT tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định, khi cần thiết HĐQT tổ chức các cuộc họp đột xuất để chỉ đạo kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động SX-KD của Công ty.

- HĐQT đã kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh, đặc biệt vấn đề liên quan đến các mặt hoạt động SXKD, tiến độ thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, các vấn đề vướng mắc cần tháo gỡ.

- HĐQT tổ chức Đại hội cổ đông thường niên, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung: báo cáo thực hiện hoạt động SX-KD, phương hướng nhiệm vụ, báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán.

- Năm 2023, kiểm điểm các công tác thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên, HĐQT đã nhất trí đánh giá các thành viên hoàn thành nhiệm vụ được giao. Các thành viên HĐQT làm việc với thái độ trung thực, khách quan, không vụ lợi, vì lợi ích của Công ty, thực hiện đúng theo các nội quy, quy chế hoạt động của Công ty quy định.

E. Về thù lao HĐQT:

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị được Công ty chi trả thù lao theo mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua

- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 đồng/tháng x 12 tháng = 60.000.000 đồng.

- Thành viên HĐQT:

3.700.000 đồng/người/tháng x 04 người x 12 tháng = 177.600.000 đồng.

Tổng mức thù lao của HĐQT: 237.600.000 đồng/năm.

II- ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

1. Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2024.

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024
1	Giá trị tổng sản lượng	Tỷ đồng	77,832
2	Sản lượng sản xuất H ₂ O ₂ (quy về nồng độ 50%)	tấn	10.810
3	Sản lượng tiêu thụ (quy về nồng độ 50%)	tấn	10.810
4	Doanh thu sản phẩm H ₂ O ₂	Tỷ đồng	92,966
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,5

2. Định hướng chiến lược dài hạn phát triển công ty

- Khai thác tốt dây chuyền sản xuất H_2O_2 hiện tại, nâng dần thị phần oxy già của Công ty tại thị trường miền Bắc, nâng tỷ trọng sản phẩm loãng trong cơ cấu sản phẩm.

- Triển khai kinh doanh đa ngành, tập trung khai thác các lợi thế hiện có của Công ty, trước mắt kinh doanh thêm sản phẩm NH_3 và nước NH_4OH .

- Triển khai dự án đầu tư xây dựng “dây chuyền thu hồi khí đuôi phóng không sản xuất CO_2 tinh khiết, công suất 45.000 tấn / năm”.

- Xây dựng và củng cố mạng lưới phân phối và tiêu thụ sản phẩm bảo đảm phát triển bền vững.

- Tiếp tục nâng cao hiệu lực hiệu quả quản trị Công ty, nâng cao năng lực quản lý điều hành của các cán bộ nhân viên. Tổ chức lại hệ thống quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

Hội đồng quản trị công ty hứa sẽ cùng Ban điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty cố gắng hết sức để hoàn thành các mục tiêu vì sự phát triển của Công ty và lợi ích của cổ đông./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
CHỦ TỊCH HĐQT
Trương Xuân Hoàng

**H. C. P. H.**
H. P. H.

Bắc Giang, ngày 02 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc!

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát Công ty Cổ Phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024 kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty trong năm 2023 như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2023.

Năm 2023 Ban kiểm soát đã thực hiện vai trò giám sát các hoạt động kiểm soát, hoàn thành kế hoạch và các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty cụ thể tập trung vào các vấn đề chính sau:

1.1. Giám sát việc tuân thủ Điều lệ Công ty, tuân thủ Luật doanh nghiệp và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.2. Kiểm soát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và các Nghị quyết HĐQT.

1.3. Ban kiểm soát cử người tham gia các cuộc họp HĐQT để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư xây dựng và tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

1.4. Xem xét báo cáo tài chính, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như đánh giá ảnh hưởng các vấn đề trọng yếu được nêu trong báo cáo kiểm toán. Đồng thời, giám sát việc thực hiện các kiến nghị do cơ quan kiểm toán đưa ra, từ đó đề xuất kiến nghị các giải pháp phù hợp cho Ban điều hành.

1.5. Giám sát việc thực hiện các quy trình nội bộ. Có ý kiến đóng góp kịp thời để Công ty điều chỉnh và tuân thủ các nguyên tắc theo đúng quy định.

II. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2023.

2.1- Căn cứ thẩm tra báo cáo tài chính của Công ty

Báo cáo tài chính năm 2023 do Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Với các chỉ tiêu tài chính cơ bản Công ty đã thực hiện:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

(đơn vị tính: triệu đồng)

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Tăng(giảm)%
1	Doanh thu thuần	103.182	99.303	96%
2	Lợi nhuận trước thuế	14.866	7.885	53%

2. Bảng cân đối kế toán (dạng rút gọn)

(đơn vị tính: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ 31/12/2023	Số đầu kỳ 01/01/2023	Chênh lệch
(a)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)
TÀI SẢN			
A. Tài sản ngắn hạn	27.983	31.983	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	7.726	4.848	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		18.000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	5.925	2.943	
IV. Hàng tồn kho	12.165	6.043	
V. Tài sản ngắn hạn khác	2.166	148	
B. Tài sản dài hạn	96.447	86.485	
I. Tài sản cố định	77.122	81.676	
II. Tài sản dài hạn khác	19.325	4.809	
Tổng cộng tài sản	124.430	118.469	
NGUỒN VỐN			
C. Nợ phải trả	23.353	17.937	
I. Nợ ngắn hạn	23.353	17.937	
II. Nợ dài hạn			

D. Vốn chủ sở hữu	101.076	100.532	
I. Vốn góp của chủ sở hữu	84.000	84.000	
II. Quỹ đầu tư phát triển	9.385	9.385	
III. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	7.690	7.146	
Tổng cộng nguồn vốn	124.430	118.469	

2.2- Kết quả thẩm tra báo cáo tài chính năm 2023

* Ban kiểm soát xác nhận: Báo cáo tài chính năm 2023 do Công ty TNHH Hằng kiểm toán AASC kiểm toán được lập phù hợp với các quy định hiện hành, đủ độ tin cậy.

III. Giám sát về công tác quản lý của HĐQT, Ban Giám đốc, các phòng ban và kiến nghị

3.1 Giám sát về công tác quản lý của HĐQT, Ban Giám đốc, các phòng ban

- Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết ĐHĐCĐ, đúng Điều lệ của Công ty; thực hiện giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông; tổ chức và duy trì các cuộc họp thường kỳ theo quy định của Điều lệ, trong các cuộc họp đều ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc Công ty thực hiện.

- Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện nghiêm túc các nội dung, kết luận của Hội đồng quản trị. Thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty, thực hiện nộp ngân sách Nhà nước; chăm lo đời sống, đảm bảo tiền lương, thu nhập ổn định cho người lao động.

- Các phòng ban nghiệp vụ của Công ty thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được giao và có sự phối hợp hoạt động tốt, tổ chức xây dựng kế hoạch SXKD hàng quý, năm đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty. Việc mở sổ sách kế toán, tổ chức ghi chép, hạch toán và lưu trữ chứng từ được Phòng Tài chính - Kế toán của Công ty thực hiện đúng quy định.

- Ban giám đốc chưa hoàn thiện một thủ tục pháp lý bắt buộc gây hậu quả cho Công ty.

3.2 Kiến nghị:

Bước sang năm 2024, Công ty rà soát và hoàn thiện các thủ tục pháp lý bắt buộc. Tập trung đẩy mạnh sản xuất, hoàn thiện hồ sơ đầu tư, xây dựng kế hoạch SXKD, đề ra các mục tiêu, giải pháp cụ thể nhằm đạt được các chỉ tiêu theo Nghị quyết đại hội

đồng cổ đông đề ra. Phát huy năng lực của máy móc, thiết bị đã đầu tư, sửa chữa. Có chiến lược và cơ chế thích hợp để giữ vững và phát triển mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Định hướng phát triển tốt cho sản phẩm mới.

IV. Phương hướng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát trong năm 2024

Căn cứ định hướng về kế hoạch kinh doanh của Công ty, BKS xác định phương hướng hoạt động năm 2024 tập trung vào các nội dung sau:

- 4.1. Tăng cường nâng cao hoạt động giám sát tuân thủ đối với các nội dung yêu cầu của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ Công ty
- 4.2. Kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- 4.3. Cử người tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT để nắm bắt và đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty.
- 4.4. Tổ chức xem xét kiểm tra và thẩm định báo cáo tài chính năm 2024.
- 4.5. Kiểm tra việc thực hiện công bố thông tin đến các cổ đông và nhà đầu tư.
- 4.6. Thực hiện các công tác khác theo quy định.

Trên đây là nội dung báo cáo hoạt động của ban kiểm soát, kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT Cty;
- Giám Đốc CTy;
- Các TV BKS;
- Lưu BKS.

TM.BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thúy Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 28
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2400395807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 27 tháng 10 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Xuân Hoàng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Minh Hòa	Thành viên	
Ông Hà Văn Hùng	Thành viên	
Ông Nguyễn Tổng Luận	Thành viên	
Ông Kiều Anh Tuấn	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 24/04/2023)
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	(Kết thúc nhiệm kỳ ngày 24/04/2023)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tổng Luận	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thế Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hà Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 19/05/2023)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thúy Nguyên	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Thành viên	
Bà Dương Thị Trang	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 24/04/2023)
Ông Bùi Anh Tuấn	Thành viên	(Kết thúc nhiệm kỳ ngày 24/04/2023)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Nguyễn Tổng Luận

Tổng Giám đốc

Bắc Giang, ngày 26 tháng 02 năm 2024

317
CỔ
CHI
HNG
A
317



Số: 280224.003/BCTC.KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được lập ngày 26 tháng 02 năm 2024, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0743-2023-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Hoàng Thị Thu Hương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0899-2023-002-1

T:(84) 24 3824 1990 | F:(84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		27.983.549.628	31.983.590.732
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	7.726.015.716	4.848.018.224
111	1. Tiền		7.726.015.716	4.848.018.224
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	18.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	18.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.925.194.035	2.943.320.389
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	4.102.686.340	66.845.600
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	1.534.297.327	2.154.118.001
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	288.210.368	722.356.788
140	IV. Hàng tồn kho	7	12.165.912.182	6.043.564.569
141	1. Hàng tồn kho		12.165.912.182	6.043.564.569
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.166.427.695	148.687.550
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		2.032.161.640	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	134.266.055	148.687.550
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		96.447.223.136	86.485.929.894
220	II. Tài sản cố định		77.122.182.476	81.676.041.003
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	77.122.182.476	81.676.041.003
222	- Nguyên giá		214.179.110.906	205.722.266.960
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(137.056.928.430)	(124.046.225.957)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	478.030.303	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		478.030.303	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		18.847.010.357	4.809.888.891
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	18.847.010.357	4.809.888.891
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		124.430.772.764	118.469.520.626

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	(đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		23.353.871.744	17.937.371.839
310	I. Nợ ngắn hạn		23.353.871.744	17.937.371.839
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	6.148.826.169	3.290.877.033
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		45.065.440	67.968.600
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.652.611.870	2.902.439.211
314	4. Phải trả người lao động		1.690.134.400	1.309.697.499
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	424.697.174	69.054.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	2.378.420.901	9.281.911.596
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11	10.398.130.890	-
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		615.984.900	1.015.423.900
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		101.076.901.020	100.532.148.787
410	1. Vốn chủ sở hữu	16	101.076.901.020	100.532.148.787
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		84.000.000.000	84.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		84.000.000.000	84.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		9.385.990.951	9.385.990.951
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.690.910.069	7.146.157.836
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.456.157.836	7.005.446.004
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		6.234.752.233	140.711.832
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		124.430.772.764	118.469.520.626

Hương

Thân Thị Hà



Đặng Thị Mai Hương

Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Thân Thị Hà

Kế toán trưởng

Nguyễn Tổng Luận

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	(đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	99.303.182.264	100.776.577.044
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		99.303.182.264	100.776.577.044
11	4. Giá vốn hàng bán	19	80.845.283.379	78.262.416.374
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		18.457.898.885	22.514.160.670
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	996.001.943	262.560.363
22	7. Chi phí tài chính	21	11.110.332	1.182.948.482
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		11.110.332	713.127.837
25	8. Chi phí bán hàng	22	800.965.680	955.199.702
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	6.365.806.456	5.406.926.309
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12.276.018.360	15.231.646.540
31	11. Thu nhập khác	24	284.057.918	31.883.600
32	12. Chi phí khác	25	4.674.268.998	12.768.795.744
40	13. Lợi nhuận khác		(4.390.211.080)	(12.736.912.144)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.885.807.280	2.494.734.396
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	1.651.055.047	2.354.022.564
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.234.752.233	140.711.832
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	742	17

Đặng Thị Mai Hương

Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Thân Thị Hà

Kế toán trưởng



Nguyễn Tổng Luận

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	(đã điều chỉnh) VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		7.885.807.280	2.494.734.396
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		13.356.157.018	12.951.076.200
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.134.183.761)	(262.560.363)
06	- Chi phí lãi vay		11.110.332	713.127.837
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		20.118.890.869	15.896.378.070
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(5.160.142.558)	3.753.534.207
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(6.122.347.613)	1.155.787.432
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(7.549.373.008)	13.982.855.987
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(14.037.121.466)	2.717.895.756
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(732.526.288)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.352.465.741)	73.881.810
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	5.200.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(599.439.000)	(782.555.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(15.701.998.517)	36.070.451.974
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(6.741.555.409)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		138.181.818	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(18.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		18.000.000.000	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.156.530.710	110.407.810
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		12.553.157.119	(17.889.592.190)

33
 CH
 AN
 P
 AN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	(đã điều chỉnh) VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		10.398.130.890	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(26.565.792.855)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.371.292.000)	(2.563.800)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		6.026.838.890	(26.568.356.655)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.877.997.492	(8.387.496.871)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.848.018.224	13.235.515.095
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>7.726.015.716</u>	<u>4.848.018.224</u>

Đặng Thị Mai Hương

Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Thân Thị Hà

Kê toán trưởng



Nguyễn Tổng Luận

Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2400395807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 27 tháng 10 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 84.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 84.000.000.000 VND; tương đương 8.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 58 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 57 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: sản xuất và buôn bán hóa chất H₂O₂.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Theo Quyết định số 21010094/QĐ-XPHC do Đội Quản lý thị trường số 1 - Cục Quản lý thị trường tỉnh Bắc Giang ban hành ngày 26/06/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính với Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc do không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp và không tổ chức tham gia khóa huấn luyện an toàn hóa chất định kỳ đối với đối tượng nhóm 1.

Công ty bị xử phạt 50.000.000 VND cho hai hành vi vi phạm trên và buộc nộp lại số lợi nhuận có được do thực hiện hành vi vi phạm hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất mà không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp với số tiền là 12.477.455.788 VND (Số tiền nộp lại được xác định từ 15/10/2019 - 09/05/2023)

Công ty đã được Sở Công thương tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (sản xuất và kinh doanh) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp số 77/GCN-SCT ngày 12/05/2023, Giấy chứng nhận số 85/GCN-SCT ngày 31/05/2023 và Giấy chứng nhận điều chỉnh số 128/GCN-SCT ngày 24/07/2023.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Các tài sản khác	05 năm

2.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng 36 tháng.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

1.00
C
CH
NG
A
1.00

2.17. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng một mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23. Thông tin bộ phận

Do hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh hóa chất H₂O₂ và chỉ phát sinh tại tỉnh Bắc Giang nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	497.539.678	174.406.991
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.228.476.038	4.673.611.233
	7.726.015.716	4.848.018.224

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	1.350.797.160	-	-	-
- Công ty TNHH Hoá chất và Môi trường Vũ Hoàng	369.082.560	-	-	-
- Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Long Biên	981.714.600	-	-	-
Bên khác	2.751.889.180	-	66.845.600	-
- Công ty TNHH Công nghệ Hóa chất và Môi trường Vũ Hoàng	160.671.600	-	66.845.600	-
- Công ty Cổ phần Hóa chất và Môi trường An Phú	484.347.360	-	-	-
- Chi nhánh Công ty TNHH Hóa chất Tân Phú Cường - Chi nhánh Hưng Yên	638.310.520	-	-	-
- Công ty TNHH sản xuất Thương mại Dịch vụ Hóa Cảnh	522.152.460	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất và Thiết bị Kim Ngưu	916.720.200	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	29.687.040	-	-	-
	4.102.686.340	-	66.845.600	-

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Chính Thảo Hiếu Thắng	-	-	1.500.000.000	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Nano Ứng dụng	-	-	545.424.000	-
- Công ty Cổ phần Ô tô Vũ Linh	1.222.000.000	-	-	-
- Công ty Điện lực Bắc Giang - CN Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	71.489.077	-	-	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	240.808.250	-	108.694.001	-
	1.534.297.327	-	2.154.118.001	-

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	160.528.767	-
- Tạm ứng	205.526.570	-	470.480.000	-
- Ký cược, ký quỹ	1.500.000	-	1.500.000	-
- Phải thu khác	81.183.798	-	89.848.021	-
	288.210.368	-	722.356.788	-

Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan

- Bà Thân Thị Hà	-	-	100.000.000	-
	-	-	100.000.000	-

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	5.872.011.272	-	4.825.995.931	-
- Công cụ, dụng cụ	2.640.880.123	-	4.287.000	-
- Thành phẩm	3.561.802.702	-	1.213.281.638	-
- Hàng hoá	91.218.085	-	-	-
	12.165.912.182	-	6.043.564.569	-

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Đầu tư xây dựng cơ bản	478.030.303	-
+ Trạm đóng nạp H ₂ O ₂	478.030.303	-

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		TSCĐ khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	26.054.643.113	179.120.360.211		345.454.545		201.809.091		205.722.266.960		
- Đầu tư, mua sắm tài sản	146.962.495	7.220.154.177		1.435.181.819		-		8.802.298.491		
- Thanh lý, nhượng bán	-	-		(345.454.545)		-		(345.454.545)		
Số dư cuối năm	26.201.605.608	186.340.514.388		1.435.181.819		201.809.091		214.179.110.906		
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	10.223.104.564	113.279.028.553		345.454.545		198.638.295		124.046.225.957		
- Khấu hao trong năm	1.002.421.170	12.177.531.502		173.034.087		3.170.259		13.356.157.018		
- Thanh lý, nhượng bán	-	-		(345.454.545)		-		(345.454.545)		
Số dư cuối năm	11.225.525.734	125.456.560.055		173.034.087		201.808.554		137.056.928.430		
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	15.831.538.549	65.841.331.658		-		3.170.796		81.676.041.003		
Tại ngày cuối năm	14.976.079.874	60.883.954.333		1.262.147.732		537		77.122.182.476		

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	18.847.010.357	4.809.888.891
	18.847.010.357	4.809.888.891

6.446.110.588 VND
440.137.008 VND

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	4.414.576.930	4.414.576.930	3.290.877.033	3.290.877.033
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	3.443.799.330	3.443.799.330	3.290.877.033	3.290.877.033
- Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Bắc Hà	970.777.600	970.777.600	-	-
<i>Bên khác</i>	1.734.249.239	1.734.249.239	-	-
- Công ty TNHH Hanwha Power Systems Việt Nam	605.004.620	605.004.620	-	-
- Công ty TNHH An Thành	379.080.000	379.080.000	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng 266	345.995.785	345.995.785	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	404.168.834	404.168.834	-	-
	6.148.826.169	6.148.826.169	3.290.877.033	3.290.877.033

31
 CÔNG
 HƯNG
 PHÁT
 HÀ
 BẮC

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	535.158.392	1.696.319.529	2.261.461.162	29.983.241	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	27.139.752	27.139.752	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.354.022.564	1.651.055.047	2.352.465.741	-	1.652.611.870
Thuế thu nhập cá nhân	-	13.258.255	265.190.928	330.180.921	51.731.738	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	148.687.550	-	96.136.474	-	52.551.076	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	117.000.000	117.000.000	-	-
	148.687.550	2.902.439.211	3.855.841.730	5.091.247.576	134.266.055	1.652.611.870

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	11.110.332	-
- Chi phí hỗ trợ vận chuyên	-	48.054.000
- Chi phí bảo vệ	-	21.000.000
- Chi phí điện	413.586.842	-
	424.697.174	69.054.000

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	50.309.760	56.644.067
- Bảo hiểm xã hội	148.706	148.706
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.275.275.240	606.567.240
- Quỹ khen thưởng Ban Giám đốc và các quỹ công đoàn	61.653.976	61.653.976
- Quỹ thưởng Ban điều hành	478.227.101	28.227.101
- Thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT	40.575.706	48.575.706
- Phải nộp lợi nhuận bị truy thu năm 2019 - 2022	-	7.993.329.745
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	472.230.412	486.765.055
	2.378.420.901	9.281.911.596

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	84.000.000.000	9.385.990.951	2.427.062.134	95.813.053.085
Lãi trong năm trước (đã điều chỉnh)	-	-	140.711.832	140.711.832
Điều chỉnh lợi nhuận lũy kế 2019 - 2021 theo QĐ xử phạt của Đội Quản lý thị trường (Thuyết minh số 25)	-	-	4.578.383.870	4.578.383.870
Số dư cuối năm trước (đã điều chỉnh)	84.000.000.000	9.385.990.951	7.146.157.836	100.532.148.787
Số dư đầu năm nay	84.000.000.000	9.385.990.951	7.146.157.836	100.532.148.787
Lãi trong năm nay	-	-	6.234.752.233	6.234.752.233
Phân phối lợi nhuận	-	-	(5.690.000.000)	(5.690.000.000)
Số dư cuối năm nay	84.000.000.000	9.385.990.951	7.690.910.069	101.076.901.020

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 110/NQĐHĐCĐ-HPCO ngày 24/4/2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Số tiền VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	200.000.000
Trích thưởng Ban Điều hành	150.000.000
Trích thưởng Ban Quản lý	300.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 6% vốn điều lệ)	5.040.000.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2023	Tỷ lệ	01/01/2023	Tỷ lệ
	VND		VND	
Bà Trương Thị Lan Anh	46.000.000.000	54,76%	46.000.000.000	54,76%
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh	-	0,00%	9.998.000.000	11,90%
Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Tân Long	5.600.000.000	6,67%	5.600.000.000	6,67%
Ông Phạm Huy Hiệu	4.230.000.000	5,04%	4.230.000.000	5,04%
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc	4.000.000.000	4,76%	4.000.000.000	4,76%
Bà Nguyễn Thị Hương	4.998.000.000	5,95%	-	0,00%
Ông Đào Xuân Thạch	5.000.000.000	5,95%	-	0,00%
Các cổ đông khác	14.172.000.000	16,87%	14.172.000.000	16,87%
	84.000.000.000	100%	84.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	84.000.000.000	84.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	84.000.000.000	84.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	606.567.240	609.131.040
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	5.040.000.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	5.040.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(4.371.292.000)	(2.563.800)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(4.371.292.000)	(2.563.800)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	1.275.275.240	606.567.240

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.400.000	8.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8.400.000	8.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.400.000	8.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.400.000	8.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.400.000	8.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ Công ty

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	9.385.990.951	9.385.990.951
	9.385.990.951	9.385.990.951

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại Phường Thọ Xương - Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh từ năm 2010 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là 14.623,2 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	943.867.458	6.164.194.544
Doanh thu bán thành phẩm	98.359.314.806	94.612.382.500
	99.303.182.264	100.776.577.044
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	51.650.509.612	52.750.668.000

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	991.796.957	6.120.844.546
Giá vốn của thành phẩm đã bán	79.853.486.422	72.141.571.828
	80.845.283.379	78.262.416.374
Trong đó: Tổng giá trị mua vào từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	37.516.061.686	42.116.394.244

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	996.001.943	262.560.363
	996.001.943	262.560.363

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	11.110.332	713.127.837
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	469.820.645
	11.110.332	1.182.948.482

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân công	-	404.371.022
Chi phí khấu hao tài sản cố định	85.650.000	-
Chi phí khác bằng tiền	715.315.680	550.828.680
	800.965.680	955.199.702

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	225.335.920	175.218.800
Chi phí nhân công	3.184.764.865	3.235.840.863
Chi phí khấu hao tài sản cố định	279.156.745	121.689.300
Thuế, phí, lệ phí	124.935.202	108.391.771
Chi phí dịch vụ mua ngoài	490.850.277	521.644.524
Chi phí khác bằng tiền	2.060.763.447	1.244.141.051
	6.365.806.456	5.406.926.309
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	19.598.064	54.668.016

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	138.181.818	-
Tiền phạt thu được	92.800.000	-
Xử lý công nợ vật tư phải trả không đủ chứng từ	-	27.183.600
Thu nhập khác	53.076.100	4.700.000
	284.057.918	31.883.600

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	(đã điều chỉnh) VND
Nộp lại lợi nhuận theo Quyết định Xử phạt vi phạm hành chính (*)	4.484.126.043	12.571.713.615
Các khoản bị phạt	50.000.000	178.607.129
Chi phí khác	140.142.955	18.475.000
	4.674.268.998	12.768.795.744

(*) Theo Quyết định số 21010094/QĐ-XPHC do Đội Quản lý thị trường số 1 - Cục Quản lý thị trường tỉnh Bắc Giang ban hành ngày 26/06/2023 về việc xử phạt vi phạm hành chính với Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc; Công ty bị truy thu lợi nhuận từ 15/10/2019 - 09/05/2023 với tổng số tiền là 12.477.455.788 VND, cụ thể như sau:
 - Từ 15/10/2019 - 31/12/2021: truy thu tổng lợi nhuận sau thuế lũy kế là (4.578.383.870) VND;
 - Từ 01/01/2022 - 31/12/2022: truy thu lợi nhuận sau thuế là 12.571.713.615 VND;
 - Từ 01/01/2023 - 09/05/2023: truy thu lợi nhuận trước thuế tạm tính là 4.484.126.043 VND.

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	(đã điều chỉnh) VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	7.885.807.280	2.494.734.396
Các khoản điều chỉnh tăng	369.467.955	12.872.613.926
- Chi phí không hợp lệ	190.142.955	12.768.795.744
- Thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	179.325.000	103.818.182
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(3.597.235.500)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(3.597.235.500)
Thu nhập chịu thuế TNDN	8.255.275.235	11.770.112.822
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	1.651.055.047	2.354.022.564

	Năm 2023	Năm 2022 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Các khoản điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	-	73.881.810
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	2.354.022.564	(73.881.810)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(2.352.465.741)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh	1.652.611.870	2.354.022.564

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	6.234.752.233	140.711.832
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.234.752.233	140.711.832
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.400.000	8.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	742	17

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	61.842.389.757	51.517.556.543
Chi phí nhân công	9.796.529.220	8.908.696.793
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.356.157.018	12.951.076.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	490.850.277	3.488.865.271
Chi phí khác bằng tiền	3.882.853.350	1.903.361.502
	89.368.779.622	78.769.556.309

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường về biến động lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.228.476.038	-	-	7.228.476.038
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.390.896.708	-	-	4.390.896.708
	11.619.372.746	-	-	11.619.372.746
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.673.611.233	-	-	4.673.611.233
Phải thu khách hàng, phải thu khác	789.202.388	-	-	789.202.388
	5.462.813.621	-	-	5.462.813.621

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Vay và nợ	10.398.130.890	-	-	10.398.130.890
Phải trả người bán, phải trả khác	8.527.247.070	-	-	8.527.247.070
Chi phí phải trả	424.697.174	-	-	424.697.174
	19.350.075.134	-	-	19.350.075.134
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	12.572.788.629	-	-	12.572.788.629
Chi phí phải trả	69.054.000	-	-	69.054.000
	12.641.842.629	-	-	12.641.842.629

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Cổ đông góp vốn
Công ty TNHH Hoá chất và Môi trường Vũ Hoàng	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Long Biên	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Bắc Hà	Cùng Chủ tịch HĐQT
Ông Trương Xuân Hoàng	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Minh Hòa	Thành viên HĐQT
Ông Hà Văn Hùng	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc ngày 19/05/2023)
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT (Kết thúc nhiệm kỳ ngày 24/04/2023)
Ông Kiều Anh Tuấn	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 24/04/2023)
Ông Nguyễn Minh Toàn	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 17/06/2022)
Ông Nguyễn Tổng Luận	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hoàng Hưng	Nguyên Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/10/2022)
Ông Nguyễn Thế Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thúy Nguyên	Trưởng BKS
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Thành viên BKS
Bà Dương Thị Trang	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 24/04/2023)
Ông Bùi Anh Tuấn	Thành viên BKS (Kết thúc nhiệm kỳ ngày 24/04/2023)
Ông Lê Thanh Hiếu	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 17/06/2022)
Bà Thân Thị Hà	Kế toán trưởng

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên. Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng, dịch vụ	51.650.509.612	52.750.668.000
- Công ty TNHH Hoá chất và Môi trường Vũ Hoàng	2.797.202.112	614.505.000
- Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Long Biên	48.853.307.500	52.136.163.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	37.516.061.686	42.116.394.244
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	36.553.544.186	42.116.394.244
- Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Long Biên	79.297.500	-
- Công ty Cổ phần Khí công nghiệp Bắc Hà	883.220.000	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.598.064	54.668.016
- Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	19.598.064	54.668.016

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt	1.485.702.001	1.287.174.421
- Ông Trương Xuân Hoàng	94.000.000	35.227.273
- Ông Nguyễn Minh Hòa	54.400.000	15.818.182
- Ông Hà Văn Hùng	191.489.266	42.533.121
- Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	20.875.000	72.210.287
- Ông Kiều Anh Tuấn	35.525.000	-
- Ông Nguyễn Minh Toàn	-	14.181.818
- Ông Nguyễn Tổng Luận	378.148.540	136.543.159
- Ông Phạm Hoàng Hưng	-	304.514.513

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Ông Nguyễn Thế Hùng	306.985.961	300.455.372
- Bà Nguyễn Thúy Nguyên	54.400.000	15.818.182
- Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	42.400.000	11.613.636
- Bà Dương Thị Trang	27.275.000	-
- Ông Bùi Anh Tuấn	17.125.000	57.368.230
- Ông Lê Thanh Hiếu	-	30.693.232
- Bà Thân Thị Hà	263.078.234	250.197.416

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

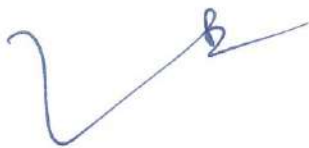
32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 do phải nộp lại lợi nhuận theo Quyết định Xử phạt vi phạm hành chính số 21010094/QĐ-XPHC ngày 26/6/2023 của Đội Quản lý thị trường số 1 - Cục Quản lý thị trường tỉnh Bắc Giang. Theo đó số liệu so sánh của Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
		VND	VND	VND
a) Bảng cân đối kế toán				
- Phải trả ngắn hạn khác	319	1.288.581.851	9.281.911.596	7.993.329.745
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	15.139.487.581	7.146.157.836	(7.993.329.745)
b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
- Chi phí khác	32	197.082.129	12.768.795.744	12.571.713.615
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	15.066.448.011	2.494.734.396	(12.571.713.615)
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	12.712.425.447	140.711.832	(12.571.713.615)
c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
- Lợi nhuận trước thuế	01	15.066.448.011	2.494.734.396	(12.571.713.615)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.411.142.372	13.982.855.987	12.571.713.615







Đặng Thị Mai Hương
 Người lập biểu
 Bắc Giang, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Thân Thị Hà
 Kế toán trưởng

Nguyễn Tổng Luận
 Tổng Giám đốc